

DIỄN BIẾN BỘ CHỈ SỐ PVN-INDEX

Bloomberg : PVNI <GO>

www.pvnindex.vn

Chỉ số Đại diện

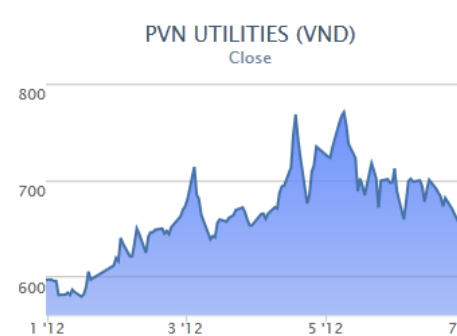


Chỉ số PVN 10



Chỉ số	Giá đóng cửa	Thay đổi	% Thay đổi
PVN 10	792.5	↑21.98	↑ 2.85
PVN All-Share Continuous	669.07	↑ 6.54	↑ 0.99
PVN All-Share	651.99	↑ 6.28	↑ 0.97
PVN All-Share HSX	696.53	↑ 3.29	↑ 0.48
PVN All-Share HNX	583.59	↑26.57	↑ 4.77
PVN Vật Liệu Cơ Bản	982.61	↑ 8.7	↑ 0.89
PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng	823.94	↑14.08	↑ 1.74
PVN Tài Chính	595.69	↑16.36	↑ 2.82
PVN Công Nghiệp	491.19	↑26.56	↑ 5.72
PVN Dầu Khí	624.69	↑ 2.35	↑ 0.38
PVN Dịch Vụ Tiện Ích	672.74	↑22.94	↑ 3.53

Chỉ số Ngành



Giới thiệu Bộ chỉ số PVN-Index

Bộ Chỉ số PVN-Index bao gồm tất cả Công ty thành viên PVN được niêm yết trên Sàn chứng khoán Hồ Chí Minh (HSX), Sàn chứng khoán Hà Nội (HNX) và sàn UpCOM. Bộ chỉ số PVN-Index được xây dựng và vận hành bởi công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí (PSI), với sự tư vấn của các chuyên gia nước ngoài uy tín và tuân thủ đầy đủ theo các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế về bộ chỉ số chứng khoán.

Bộ chỉ số bao gồm Chỉ số Đại diện (Benchmark) nhằm đưa ra thước đo chuẩn xác nhất cho sự biến động của toàn bộ thị trường, Chỉ số Ngành đánh giá các ngành công nghiệp đặc trưng và Chỉ số Blue Chips giúp tạo ra các giỏ đầu tư và nhóm danh mục giao dịch một cách dễ dàng với chi phí thực hiện tối thiểu. Bộ chỉ số được tính toán theo cả Chỉ số Giá (Prices) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) (bao gồm cổ tức). Mỗi Chỉ số được tính bằng 4 loại tiền tệ: EUR, USD, JPY và VND. Dữ liệu lịch sử được tính lại từ ngày 31-12-2008. Bộ chỉ số PVN-INDEX hoàn chỉnh bao gồm 88 chỉ số.

CHỈ SỐ	TÊN CHỈ SỐ	LOẠI CHỈ SỐ	Chỉ số Giá				Chỉ số Lợi Nhuận			
			VND	EUR	USD	JPY	VND	EUR	USD	JPY
PVNAS	PVN ALL SAHRE	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNASC	PVN ALLSHARE CONTINUOUS	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHSX	PVN ALLSHARE HSX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNHNX	PVN ALLSHARE HNX	Đại diện	1	1	1	1	1	1	1	1
PVN10	PVN 10	Đầu tư	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNBM	PVN Vật liệu Cơ bản	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNCS	PVN Dịch vụ Tiêu dùng	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNFI	PVN Tài chính	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNIN	PVN Công nghiệp	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNOG	PVN Dầu khí	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
PVNUT	PVN Dịch vụ Tiện ích	Ngành	1	1	1	1	1	1	1	1
	TỔNG	88	11	11	11	11	11	11	11	11

Chỉ số Đại diện (4): PVN All Share; PVN All Share Continuous; PVN All Share HSX; PVN All Share HNX.

Chỉ số Đầu tư (PVN 10) (Chỉ số Bluechip): được thiết lập tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn quốc tế nhằm được sử dụng như công cụ cơ bản cho các sản phẩm phái sinh cũng như các sản phẩm có cấu trúc khác. Tỷ trọng giữa những cổ phiếu thuộc chỉ số Bluechip được tính theo vốn hoá chuyển nhượng được.

Chỉ số Ngành (6): Chỉ số Ngành cho phép so sánh các cổ phiếu trong ngành:

- PVN Vật Liệu Cơ Bản

• PVN Dịch Vụ Tiêu Dùng

• PVN Tài Chính
- PVN Công Nghiệp

• PVN Dầu Khí

• PVN Dịch Vụ Tiện Ích

Chỉ số Giá (Price) và Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return)
Chỉ số Giá (Price) là cơ sở cho các sản phẩm phái sinh, Chỉ số Lợi Nhuận (Total Return) thường được sử dụng cho các chỉ số quỹ. Cả hai được sử dụng cho những sản phẩm riêng biệt.

Phiên bản chỉ số ngoại tệ

Bộ chỉ số PVN-INDEX tính bằng đơn vị tiền tệ VND và được quy đổi ra các ngoại tệ chính khác như USD, EUR và JPY phục vụ cho việc theo dõi và sử dụng của giới đầu tư nước ngoài.

Phương pháp luận

Ngày gốc của tất cả chỉ số PVN-INDEX là ngày 31/12/2008

Giá trị gốc của tất cả chỉ số trong rổ chỉ số PVN-Index là 1000

Tỷ lệ cổ phiếu tự do giao dịch

Sở hữu của một cổ đông vượt quá 5% tổng số cổ phiếu lưu hành sẽ không được coi là cổ phiếu có thể tròn đến 5%.

Cổ tức được tính trong các chỉ số lợi nhuận là cổ tức gộp.

Tỷ trọng vốn hóa thị trường (Market Capitalisation Weight)

Tỷ trọng của các cổ phiếu thành viên chỉ số được tính dựa trên phần trăm giá trị vốn hoá của cổ phiếu trên tổng giá trị vốn hoá của chỉ số.

Đối với chỉ các chỉ số PVN Allshare và PVN Ngành, vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên tổng số lượng cổ phiếu lưu hành (market capitalisation).

Đối với chỉ số PVN10: vốn hoá thị trường áp dụng là vốn hoá trên số lượng cổ phiếu tự do giao dịch (freefloat market capitalisation)

Giới hạn tỷ trọng vốn hoá 15% được áp dụng cho chỉ số PVN 10.

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

HSX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
VN-Index	413.80 ↑	3.10	0.75%
KLGD (triệu ck)	30.66 ↑	3.02	10.94%
GTGD (tỷ đồng)	381.12 ↑	26.20	7.38%
Tổng cung (triệu ck)	73.27 ↑	0.00	0.00%
Tổng cầu (triệu ck)	85.40 ↑	0.00	0.00%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	1.70 ↑	0.15	9.48%
KL bán (triệu ck)	0.82 ↓	-0.72	-46.58%
Giá trị mua (tỷ đồng)	23.73 ↓	-5.74	-19.48%
Giá trị bán (tỷ đồng)	19.33 ↓	-14.12	-42.21%

Tại hội nghị thượng đỉnh lần 19 của Liên minh châu Âu (EU) diễn ra trong các ngày 28-29/6, các lãnh đạo EU đồng thuận cho phép sử dụng quỹ cứu trợ trực tiếp giải cứu các ngân hàng đang gặp khó khăn mà không làm tăng thêm gánh nợ cho các chính phủ. Thỏa thuận mới quy định rõ quỹ cứu trợ của châu Âu EFSF sẽ cung cấp cứu trợ theo quy định hiện hành cho đến khi quỹ mới là Cơ chế bình ổn châu Âu (ESM) bắt đầu hoạt động vào tháng tới. Thỏa thuận này được coi là một bước tiến đột phá và nó sẽ phá vỡ vòng luẩn quẩn giữa ngân hàng - chính phủ. TTCK toàn cầu phản ứng tích cực trước thông tin này.

NHNN vừa cho biết phương án xử lý 9 NHTM yếu kém đã hoàn tất và trình Chính phủ. Theo NHNN, trong phương án chung xử lý 9 NHTM yếu kém, sau khi kiểm toán đặc biệt và kiểm toán độc lập sẽ để các NH này tự xây dựng phương án xử lý cho mình, chỉ khi không xây dựng được phương án riêng, NHNN sẽ can thiệp. Về vấn đề tồn kho và tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, thống đốc NHNN cho biết: Hệ thống ngân hàng sẵn sàng phối hợp với các Bộ, ngành liên quan đưa ra khoảng 40.000 tỷ đồng để giải quyết hàng hóa tồn kho hiện nay.

Sở GDCK Hà Nội sẽ chính thức vận hành chỉ số HNX 30 từ ngày 9/7/2012. Đây là một chỉ số mới, bổ sung vào hệ thống chỉ số chỉ báo và chỉ số đầu tư hiện có và là tiền đề để có thể phát triển các sản phẩm giao dịch trên chỉ số. Chỉ số HNX 30 là chỉ số giá của Top 30 cổ phiếu được lựa chọn dựa vào tính thanh khoản. Chỉ số HNX 30 lấy ngày 03/01/2012 là ngày cơ sở với điểm cơ sở là 100. Sở giao dịch cũng đã công bố thành phần rõ cổ phiếu tính HNX30.

Mô hình nền Bullish Engulfing xuất hiện trên đồ thị chỉ số HNX-index báo hiệu một sự đảo chiều ngắn hạn và có thể kéo dài một vài phiên. Mặc dù vậy, thanh khoản của HNX-Index vẫn ở mức khá thấp khi duy trì dưới 40 triệu đơn vị. Điều này cho thấy tín hiệu phục hồi của HNX-Index chưa chắc chắn, HNX-Index hiện vẫn nằm trong xu thế giảm với kháng cự gần nhất tại 72 điểm. VN-Index phục hồi nhẹ hơn, thanh khoản gần như không có chuyển biến tích cực, theo đó chỉ số này vẫn có khả năng duy trì trạng thái dao động quanh vùng 411 điểm.

Công Ty CPCK Dầu khí
18 Lý Thường Kiệt, Hà Nội
ĐT: (84-4) 39343888
Fax: 393439999

HNX:

Nhận định thị trường:

Tổng quan thị trường

	Giá trị	Thay đổi	± %
HNX-Index	69.80 ↑	1.70	2.50%
KLGD (triệu ck)	39.36 ↑	14.31	57.11%
GTGD (tỷ đồng)	336.43 ↑	110.76	49.08%
Tổng cung (triệu ck)	41.10 ↓	-0.89	-2.12%
Tổng cầu (triệu ck)	64.65 ↑	30.92	91.68%
Giao dịch NN			
KL mua (triệu ck)	0.87 ↑	0.36	70.28%
KL bán (triệu ck)	0.37 ↓	-0.01	-1.51%
Giá trị mua (tỷ đồng)	6.14 ↑	0.50	8.93%
Giá trị bán (tỷ đồng)	4.52 ↑	0.04	0.79%



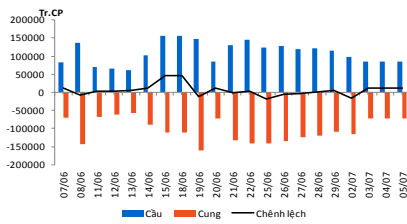
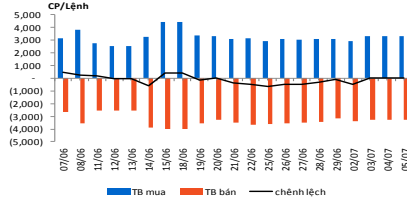
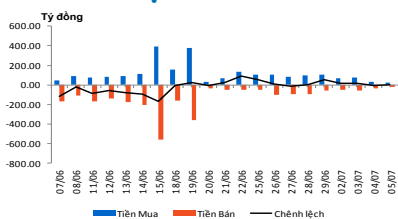
Đồ thị HNX-Index.

Tổng quan kỹ thuật chỉ số HNX-index: Mô hình *bullish engulfing* (nến) báo hiệu sự phục hồi có thể sẽ tiếp diễn vài phiên sau đó. Xu thế HNX-Index vẫn là giảm và KLGD duy trì mức thấp chưa cho thấy yếu tố tích cực.

Mô hình nến *Bullish Engulfing* xuất hiện khi hầu hết các công cụ kỹ thuật cho thấy trạng thái OVER sau một đợt giảm mạnh của HNX-Index. Cụ thể, HNX-Index nằm ngoài dải *Bollinger band*, MFI duy trì mức OVER SOLD trong khi các chỉ báo DI+ DI- đều vượt lên giá trị kỷ lục trong lịch sử. Theo đó, trạng thái phục hồi hoặc dao động mạnh có thể tiếp diễn trong vài phiên.

Thanh khoản HNX-Index mặc dù tăng gần gấp đôi phiên trước nhưng cũng chỉ đạt có chưa tới 40 triệu đơn vị. Ở mức thanh khoản thấp như vậy thì tín hiệu phục hồi của HNX_Index sẽ bị giảm độ tin cậy, nhất là khi HNX-index còn nằm trong xu thế giảm.

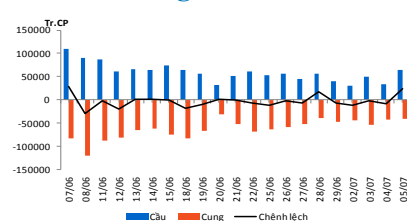
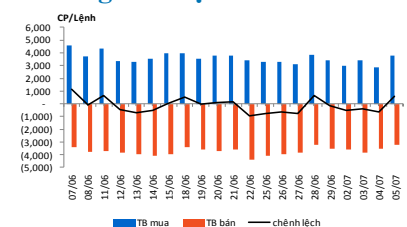
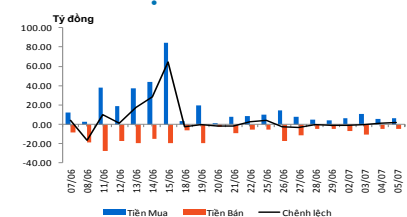
Trong ngắn hạn, kháng cự gần nhất và cũng là kháng cự mang tính chất ngưỡng giới hạn xu thế giảm của HNX_Index nằm tại mức 72 điểm. NĐT cần quan sát diễn biến thanh khoản của HNX_index trong giai đoạn này để có thể nắm bắt kịp thời sự đảo chiều giảm trở lại (nếu có) tại vùng 72 điểm, hoặc mô hình tích lũy có thể diễn ra ở hỗ trợ dài hạn 66 điểm. Trong trường hợp thanh khoản thị trường có chiều hướng tăng dần đều theo dạng bậc thang trên nguyên tắc chỉ số tăng khối lượng tăng và ngược lại chỉ số giảm KLGD giảm tương ứng thì NĐT có thể bắt đầu giải ngân tham gia dần vào thị trường.

HSX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường sàn Hồ Chí Minh**

Sau khoảng 15 phút đầu phiên, VN-Index tăng 0.12 điểm, tương ứng 0.03% lên 410.85 điểm. Giao dịch đạt trên 1 triệu đơn vị, trị giá 11.45 tỷ đồng. Ít phút sau đó chỉ số tiếp tục nới rộng biên độ và nâng lên trên 411 điểm. Giao dịch nhắm vào một số mã như EIB, NVT, SMA, TNT, MBB...

Khép lại phiên giao dịch buổi sáng, thanh khoản thị trường vẫn chưa có dấu hiệu cải thiện. VN-Index tăng 0.37 điểm, giữ được mốc 411 điểm, nhưng giao dịch ở mức rất thấp với 19.4 triệu đơn vị, tương đương 300 tỷ đồng. Khối ngoại mua gần 1.5 triệu đơn vị, mạnh hơn phiên trước, nhưng chỉ riêng NVT đã chiếm 534 ngàn đơn vị ở giá trần, còn lại là REE, EIB, VSH, SSI...

Cuối phiên, lực cầu tham gia đột ngột tăng mạnh giúp VN-Index ghi nhận mức tăng đến 3.1 điểm, tương ứng 0.75% lên 413.83 điểm. Mặc dù vậy, thanh khoản HSX vẫn khá thấp khi chỉ đạt 31.5 triệu đơn vị, trị giá 463.83 tỷ đồng.

HNX:**Cung cầu****Trung bình lệnh mua/bán****Giao dịch NĐTNN****Diễn biến thị trường Hà Nội:**

Đầu phiên, HNX-Index có mức tăng nhẹ khoảng 0.12 điểm, tức 0.18% đạt 68.2 điểm. Như vậy, tạm thời mốc 68 điểm được giữ vững, tuy nhiên giao dịch vẫn rất khiêm tốn, với khoảng 1.6 triệu đơn vị, tương đương 12.37 tỷ đồng. Trong đó, VND và SHS tăng nhẹ với giao dịch dẫn đầu toàn sàn. ACB cũng tăng nhẹ 100 đồng nhưng giao dịch khá ít. Các mã khác đứng yên hoặc rớt nhẹ dưới tham chiếu.

Khối lượng giao dịch của HNX bám sát HOSE với 18.67 triệu đơn vị, nhưng giá trị chỉ có 154.43 tỷ đồng. Tuy vậy, số mã giảm vẫn chiếm tỷ trọng lớn (108 mã), trong đó có PVS, DBC, PTL... làm cho HNX-Index duy trì mức giảm 0.04 điểm xuống 68.04 điểm đến hết buổi.

Khoảng 30 phút cuối, lực cầu bất ngờ được đẩy mạnh, giá cổ phiếu lần các chỉ số tăng vọt. HNX-Index tăng 1.73%, tức khoảng 2.54% lên 69.81 điểm. Dù lực cầu bất đáy mạnh cuối phiên nhưng thời gian giao dịch ngắn ngủi chỉ giúp HNX đạt 39.35 triệu đơn vị, tương đương 336 tỷ đồng.

Diễn biến của cổ phiếu các công ty thuộc PVN

Phiên giao dịch hôm nay, trong 28 cổ phiếu niêm yết trên HOSE và HNX có tới 24 cổ phiếu tăng giá, 3 cổ phiếu đứng giá và chỉ có 1 cổ phiếu giảm giá là PXT. Cổ phiếu tăng giá nhiều nhất là PCT (tăng 6,9%). Trung bình, các cổ phiếu thuộc nhóm này tăng 3.14% và tổng khối lượng giao dịch đạt 7,694 triệu đơn vị.

Dưới đây là diễn biến của các mã cổ phiếu thuộc tập đoàn PVN phiên ngày 05/07:

STT	Mã	Tên công ty	Giá đóng cửa (VNĐ)	KLGD (cp)	Tăng/Giảm (%)	P/B *	P/E trailing*	Nơi giao dịch
1	PCG	CTCP Đầu tư và phát triển Gas Đô thị	5,300.0	100	↑ 6.00	0.46	14.32	HNX
2	PCT	CTCP Vận tải Dầu khí Cừu Long	3,100.0	25,000	↑ 6.90	0.30	28.18	HNX
3	PFL	CTCP Dầu khí Đông Đô	4,400.0	101,000	↑ 4.76	0.26	0.43	HNX
4	PGS	CTCP Kinh doanh Khí hóa lỏng Miền Nam	21,000.0	361,700	↑ 6.60	1.72	1.40	HNX
5	PPS	CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí VN	9,500.0	71,500	↑ 6.74	0.88	6.01	HNX
6	PPE	CTCP Tư vấn Điện lực Dầu khí Việt Nam	4,900.0	-	→ 0.00	0.45	2.71	HNX
7	PSI	CTCP Chứng Khoán Dầu khí	4,700.0	127,300	↑ 6.82	0.46	N/A	HNX
8	PVC	Tổng CTCP Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí	14,100.0	139,300	↑ 6.02	0.84	2.11	HNX
9	PVE	Tổng công ty Tư vấn và Thiết kế Dầu khí	10,600.0	32,625	↑ 1.92	1.86	4.84	HNX
10	PVG	CTCP Kinh doanh khí hóa lỏng Miền Bắc	10,800.0	325,500	↑ 5.88	0.69	7.77	HNX
11	PVI	Tổng CTCP Bảo hiểm Dầu khí	16,600.0	12,600	↑ 0.61	0.71	8.38	HNX
12	PVR	CTCP Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí VN	6,000.0	-	→ 0.00	0.58	2.82	HNX
13	PVS	Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	15,300.0	615,900	↑ 4.08	1.29	4.09	HNX
14	PVX	Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí VN	9,400.0	3,660,500	↑ 6.82	0.41	3.53	HNX
15	GAS	Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP	38,300.0	32,450	→ 0.00	3.09	12.28	HSX
16	DPM	Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí	33,900.0	184,840	↑ 0.89	2.03	5.48	HSX
17	CNG	Công ty cổ phần CNG Việt Nam	26,100.0	12,160	↑ 0.38	1.20	3.18	HSX
18	GSP	CTCP Vận tải Sản phẩm khí quốc tế	7,200.0	42,060	↑ 1.41	0.62	5.26	HSX
19	PET	Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	11,700.0	345,520	↑ 1.74	0.67	2.88	HSX
20	PGD	CTCP Phân phối khí thấp áp Dầu khí VN	33,800.0	16,380	↑ 3.36	1.65	4.77	HSX
21	PTL	CTCP Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí	4,300.0	197,860	↑ 4.88	0.42	3.33	HSX
22	PVD	Tổng CTCP khoan và dịch vụ khoan Dầu khí	34,600.0	82,840	↑ 0.29	1.17	6.80	HSX
23	PVF	Tổng CTCP Tài chính Dầu khí	11,900.0	598,480	↑ 3.48	1.04	15.06	HSX
24	PVT	Tổng CTCP vận tải Dầu khí	4,500.0	517,470	↑ 2.27	0.46	40.91	HSX
25	PXI	CTCP Xây dựng công nghiệp & dân dụng dầu khí	5,700.0	77,020	↑ 3.64	0.55	3.80	HSX
26	PXM	CTCP Xây lắp Dầu khí Miền Trung	5,600.0	16,600	↑ 3.70	0.51	2.92	HSX
27	PXS	CTCP Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí	9,700.0	70,140	↑ 2.11	0.73	2.91	HSX
28	PXT	CTCP Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí	5,500.0	27,300	↓ -3.51	0.50	3.62	HSX
29	NT2	CTCP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	4,300.0	7,000	→ 0.00	0.39	4.61	UPCOM
30	POV	CTCP Xăng dầu Dầu khí Vũng Áng	7,700.0	-	→ 0.00	0.72	0.00	UPCOM
31	PSP	CTCP cảng dịch vụ dầu khí Đình Vũ	4,500.0	7,200	↑ 2.27	0.46	13.58	UPCOM
32	PSB	CTCP Đầu tư Sao Mai - Bến Đình	4,400.0	6,400	↑ 10.00	0.39	3.95	UPCOM
32	PTT	CTCP Vận tải Dầu khí Đông Dương	3,800.0	-	→ 0.00	0.34	N/A	UPCOM

THỐNG KÊ GIAO DỊCH

HSX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
SSI	19,000	19,800	4.21	28,940,041
OGC	12,400	13,000	4.84	17,502,778
EIB	18,300	18,500	1.09	15,924,570
STB	22,200	22,200	0.00	13,827,872
CSM	23,200	24,300	4.74	11,341,066

HNX

5 cổ phiếu giao dịch nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	± %	Giá trị giao dịch (1 triệu VNĐ)
VND	9,300	9,900	6.45	62,749
PVX	8,800	9,400	6.82	33,188
KLS	9,000	9,600	6.67	22,848
SVN	35,800	35,800	0.00	18,016
SCR	8,500	9,000	5.88	14,843

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
VSG	1,200	1,300	100	8.33
NVT	4,000	4,200	200	5.00
HSG	16,000	16,800	800	5.00
BRC	10,000	10,500	500	5.00
VNE	6,100	6,400	300	4.92

5 cổ phiếu tăng nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Tăng	± %
SDC	10,000	10,700	700	7.00
NHC	20,100	21,500	1,400	6.97
TSM	8,700	9,300	600	6.90
ALV	5,800	6,200	400	6.90
PCT	2,900	3,100	200	6.90

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
VES	1,600	1,500	-100	-6.25
GDT	18,000	17,100	-900	-5.00
FDC	22,400	21,300	-1,100	-4.91
BSI	6,200	5,900	-300	-4.84
D2D	18,700	17,800	-900	-4.81

5 cổ phiếu giảm nhiều nhất

Mã	Tham chiếu	Đóng cửa	Giảm	± %
AGC	1,100	1,000	-100	-9.09
HPB	10,000	9,300	-700	-7.00
LUT	10,000	9,300	-700	-7.00
SDJ	4,300	4,000	-300	-6.98
SDE	8,600	8,000	-600	-6.98

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
REE	4,371	HAG	3,596
EIB	4,145	VCB	2,611
NVT	2,287	VIC	2,199
KDC	2,008	KDC	2,029
PVD	1,858	VSH	1,461

5 CP được NĐT nước ngoài mua/bán nhiều nhất

Mã	GT mua (triệu VNĐ)	Mã	GT bán (triệu VNĐ)
HBB	2,036	AAA	1,028
VND	1,697	VNR	878
SHB	821	SDT	615
DBC	378	VC1	296
HDO	143	BVS	235

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Báo cáo này được thực hiện bởi Ban Phân tích - Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Những thông tin trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy và đánh giá một cách thận trọng. Tuy nhiên, Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin được cung cấp cũng như những tổn thất có thể xảy ra khi sử dụng báo cáo này. Mọi thông tin, quan điểm trong báo cáo này có thể được thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo này được xuất bản với mục đích cung cấp thông tin và hoàn toàn không hàm ý khuyến cáo người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán.

Người đọc cần lưu ý: Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí có thể có những hoạt động hợp tác với các đối tượng được nêu trong báo cáo và có thể có xung đột lợi ích với các nhà đầu tư.

Báo cáo này thuộc bản quyền của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí. Mọi hành vi in ấn, sao chép, sửa đổi nội dung mà không được sự cho phép của Công ty cổ phần Chứng khoán Dầu khí đều được coi là sự vi phạm pháp luật.

THÔNG TIN LIÊN HỆ

Ban Phân tích

E -mail: research@psi.vn

Tel: (84-4) 3934 3888

CHỨNG KHOÁN DẦU KHÍ



Trụ sở chính:

18 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội - ĐT: (84-4) 39343888; Fax: (84-4) 39343999

Chi nhánh Hải Phòng

Số 5, Hồ Xuân Hương, quận Hồng Bàng, Hải Phòng - ĐT: (84-31) 351 5188; Fax: (84-38) 351 5199

Chi nhánh TP.HCM:

Số 24 – 26 Hồ Tùng Mậu, Quận I, TP.Hồ Chí Minh - ĐT (84-8) 3914 6789; Fax (84-8) 3914 6969

Chi nhánh Vũng Tàu:

Tầng 5, tòa nhà Silver Sea, số 47 Ba Cu, phường 1, TP.Vũng Tàu– ĐT: (84-64) 62545 20 - 22 - 23 -24 - 26; Fax: (84-64) 6254521

Chi nhánh Đà Nẵng:

Số 55-56 Đường Nguyễn Văn Linh, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng – ĐT: (84-0511) 3899338; Fax: (84-0511) 3899339